

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 40/2023/DS-ST

Ngày: 04 - 8 - 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Trung

2. Ông Hoàng Văn Tư

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2023/TLST- DS ngày 17/3/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXX - DS ngày 21/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐ-HPT ngày 07/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐ – HPT ngày 24/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Anh Chiềng A S, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 28, khu phố Thắng L, thị trấn Tân P, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Anh Tạ Duy V, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố Thắng L, thị trấn Tân P, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Anh Triệu Hoàng P, sinh năm 1989 (Vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Số 69, đường Lê D, khu phố Tân A, thị trấn Tân P, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước.

Chị Lê Thị Phương T, sinh năm 1991 (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 28, khu phố Thắng L, thị trấn Tân P, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Tạ Duy V trình bày:***

Anh Chiềng A S và vợ chồng anh Triệu Hoàng P, chị Lê Thị Phương T có mối quan hệ quen biết nên anh S có góp vốn để chung tiền mua đất với vợ chồng anh P số tiền 270.000.000đ. Sau một thời gian, anh S muốn rút phần vốn góp thì vợ chồng anh P đồng ý nên các bên thống nhất ngày 14/9/2022 lập 01 Giấy vay tiền, nội dung thỏa thuận vợ chồng anh P vay anh S là 285.000.000đ trong đó có 270.000.000đ là tiền góp vốn đất và 15.000.000đ là tiền lời phát sinh từ việc góp vốn vợ chồng anh P trả cho anh S, thỏa thuận đến ngày 14/11/2022 vợ chồng anh P sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền trên cho anh S cùng với lãi suất là 1,6%/tháng. Do đã quá thời hạn trả nợ, anh S nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh P có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ nhưng vợ chồng ông P né tránh, không thực hiện nghĩa vụ như đúng thỏa thuận.

Nay anh S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh P và chị T phải trả cho anh S số tiền gốc là 285.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 14/9/2022 đến ngày xét xử vụ án là 04/8/2023 là 48.944.000đ.

*** *Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Triệu Hoàng P và chị Lê Thị Phương T trình bày:***

Khoảng đầu năm 2022, vợ chồng anh S có góp vốn số tiền 200.000.000đ để đầu tư đất cùng vợ chồng anh P để cùng nhau đầu tư đất để mua đi bán lại kiếm lời, việc anh S góp vốn làm ăn với vợ chồng anh P thì không làm giấy tờ. Tuy nhiên do đất đứng nên chưa chuyển nhượng đất nên anh S có nguyện vọng được lấy lại số tiền đã góp nên vợ chồng anh P và anh S cùng nhau thống nhất chuyển phần góp vốn của anh S cho vợ chồng anh P vay, các bên có lập hợp đồng vay tiền với nội dung vợ chồng anh P vay của anh S số tiền 285.000.000đ (bao gồm 200.000.000đ tiền gốc anh P góp, 85.000.000đ là tiền lợi nhuận phát sinh từ việc đầu tư đất vợ chồng anh P tính cho anh S), vợ chồng anh P có tự nguyện ký tên, khi lập hợp đồng vay tiền thì các bên không thỏa thuận mức lãi suất.

Từ thời điểm các bên lập giấy vay tiền đến nay, vợ chồng anh P đã trả cho anh S tổng cộng số tiền 127.000.000đ bằng hình thức chuyển khoản. Nay anh S khởi kiện yêu cầu anh P, chị T có trách nhiệm trả cho anh S số tiền gốc là 285.000.000đ và tiền lãi theo quy định thì anh P, chị T không đồng ý đối với yêu

cầu khởi kiện của anh S, anh P và chị T chỉ đồng ý trả cho anh S số tiền 200.000.000đ.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tham gia phiên tòa phát biểu:**

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, thành phần các đương sự tham gia vụ án và phiên tòa đúng quy định.

Kiến nghị: Không có.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Chiềng A S, buộc anh Triệu Hoàng P và chị Lê Thị Phương T phải trả cho Chiềng A S số tiền 285.000.000đ và tiền lãi theo quy định, đối với tiền lãi quá hạn do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét; Án phí: đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Anh Chiềng A S khởi kiện yêu cầu anh Triệu Hoàng P, chị Lê Thị Phương T có trách nhiệm số tiền 285.000.000đ và tiền lãi theo quy định. Khoản tiền này xuất phát từ việc góp vốn đầu tư đất, sau đó vợ chồng anh P, chị T và anh S đã thống nhất chuyển số tiền anh S góp vốn và tiền lợi nhuận từ việc góp vốn đối với vợ chồng anh P thành khoản tiền vay và có làm 01 Giấy vay tiền, anh S căn cứ vào Giấy vay tiền này để khởi kiện vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự 2015.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Triệu Hoàng P và Lê Thị Phương T có nơi cư trú tại thị trấn Tân P, huyện Đồng P, tỉnh Bình Phước. Căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Bị đơn Triệu Hoàng P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính

đáng, chị Lê Thị Phương T có yêu cầu xét xử vắng mặt; do đó căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện ngày 14/9/2022, vợ chồng anh P, chị T có vay của anh Chiềng A S số tiền 285.000.000đ (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng), việc vay mượn có làm giấy tờ tay, thỏa thuận đến ngày 14/11/2022 anh P, chị T phải thanh toán toàn bộ số tiền gốc đã vay cùng tiền lãi theo thỏa thuận là 1,6%/tháng. Quá trình giải quyết vụ án, anh P và chị T đều xác nhận anh P và chị T tự nguyện ký tên xác nhận việc vay nợ vào giấy vay và cam kết sẽ trả nợ cho anh S đúng thỏa thuận, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, căn cứ giấy vay mượn có chữ ký của các bên có cơ sở xác nhận việc các bên thực hiện giao dịch là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự về hợp đồng vay tài sản. Từ thời điểm vay đến nay, anh P, chị T chưa trả tiền cho anh S theo đúng thỏa thuận, do đó, anh S khởi kiện yêu cầu anh P, chị T có trách nhiệm trả anh S số tiền gốc là 285.000.000đ (Hai trăm tám mươi lăm triệu đồng) đã vay là có cơ sở, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng anh P xác định từ thời điểm hai bên lập Giấy vay tiền đến nay vợ chồng anh P đã trả cho anh S được tổng số tiền 127.000.000đ bằng hình thức chuyển khoản. Tòa án đã thông báo yêu cầu anh P, chị T cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình tuy nhiên anh P và chị T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi: Theo nội dung Giấy vay tiền các bên tự nguyện thỏa thuận mức lãi suất là 1,6%/tháng, anh S yêu cầu anh P, chị T phải có trách nhiệm trả tiền lãi tính từ ngày 14/9/2022 đến ngày xét xử 04/8/2023 với số tiền là 48.944.000đ, yêu cầu trên phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tổng số tiền anh P, chị T có trách nhiệm trả cho anh S là $285.000.000đ + 48.944.000đ = 333.944.000đ$.

Đối với tiền lãi quá hạn: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của anh Chiềng A S được Hội đồng xét xử chấp nhận nên anh S không phải chịu án phí. Anh P và chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền $333.944.000đ \times 5\% = 16.967.000đ$.

[4] Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92 khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Chiềng A S.

Buộc anh Triệu Hoàng P và chị Lê Thị Phương T có trách nhiệm trả cho anh Chiềng A S số tiền 333.944.000đ (Ba trăm ba mươi ba triệu chín trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) trong đó tiền gốc là 285.000.000đ và tiền lãi 48.944.000đ (Bốn mươi tám triệu chín trăm bốn mươi bốn ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Anh Triệu Hoàng P và chị Lê Thị Phương T phải chịu số tiền 16.967.000đ (Mười sáu triệu chín trăm sáu mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Chi cục thi hành án dân sự huyện Đồng Phú trả lại cho anh Chiềng A S số tiền 7.771.000đ (Bảy triệu bảy trăm bảy mươi một ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019253 ngày 17/3/2023.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THA huyện Đồng Phú;
- Đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu trữ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng